TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 140/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/01/2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Tuấn N**, sinh năm 1988

Số CCCD: 042088007xxx do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tư xã hội cấp ngày 15/3/2024.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1990

Số CCCD: 040190015xxx do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tư xã hội cấp ngày 17/12/2021.

Nơi cư trú: Căn V, Khu đô thị Đ, xã G, thành phố Hà Nội.

(Đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01 ngày 18/11/2014 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - nay là UBND xã H, tỉnh Hà Tĩnh).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Tuấn N, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa anh Phan Tuấn N và chị Phạm Thị Đ, cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Anh N và chị Đ cùng xác nhận có 02 con chung là Phan Nam P, sinh ngày 24/02/2016 và Phan Trí D, sinh ngày 30/6/2024.

Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao con chung là Phan Nam P và Phan Trí D cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Tuấn N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2. *Về tài sản chung vợ chồng là động sản và bất động sản và các khoản nợ chung*: Anh N và chị Đ cùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Phan Tuấn N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002107 ngày 23/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả anh Phan Tuấn N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã H, tỉnh Hà Tĩnh
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam